

Số: 649/QĐ-SGDĐT

Tây Ninh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Tây Ninh sau sắp xếp;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch – Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

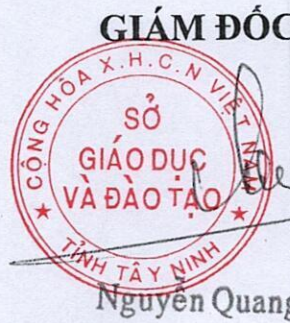
Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp cho Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

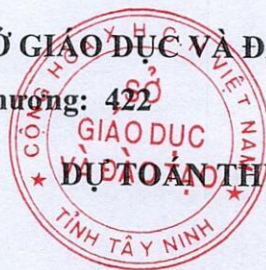
Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *am*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, P.KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Thái

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP**Đơn vị: *Trường THPT Cần Đước*

Mã số: 1044536

Mã KBNN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 649/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: 1.000.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	
1	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	838
1.1	Thu sự nghiệp	838
a	Học phí	838
b	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại	838
2.1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại	838
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	838
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	838
3	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN	-
	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.508
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.508
1.1	Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074	18.502
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.498
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.004
	Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh	
1.2	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085	6
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6